

Số: 254 /KH-DITCQTKD

Hưng Yên, ngày 23 tháng 5 năm 2018

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2018-2019

Ban Giám hiệu thông báo kế hoạch đào tạo năm học 2018 – 2019 như sau:

I. Thời gian đào tạo

1. Học kỳ hè 2018

- Thời gian học: Từ ngày 02/07/2018 đến ngày 12/08/2018 (6 tuần)
- Thời gian ôn và thi: Từ ngày 13/08/2018 đến ngày 19/08/2018 (1 tuần)

2. Học kỳ 1 (20 tuần)

- Thời gian học: Từ ngày 20/08/2018 đến ngày 09/12/2018 (16 tuần)
- Thời gian ôn và thi: Từ ngày 10/12/2018 đến ngày 06/01/2019 (4 tuần)

3. Học kỳ 2 (20 tuần)

- Thời gian học: Từ ngày 07/01/2019 đến ngày 19/05/2019 (16 tuần)
- Thời gian ôn và thi: Từ ngày 20/05/2019 đến ngày 14/06/2019 (4 tuần)

4. Các ngày nghỉ trong năm học

- Ngày Quốc khánh: 02/09/2018
- Tết Dương lịch: 01/01/2019
- Tết Nguyên đán (3 tuần): Từ ngày 28/01/2019 đến ngày 17/02/2019
(Từ ngày 23/12 âm lịch đến ngày 13/01 âm lịch)
- Ngày Giỗ tổ Hùng Vương (10/03 âm lịch): 15/04/2019 (Nghỉ bù)
- Ngày Giải phóng Miền Nam: 30/04/2019
- Ngày Quốc tế Lao động: 01/05/2019.

II. Mục tiêu kết quả đào tạo của năm học 2018-2019

Trong năm học 2018-2019, phấn đấu thực hiện các mục tiêu kết quả đào tạo như sau:

1. Tỷ lệ sinh viên K3 tốt nghiệp dự kiến:

STT	Ngành	Số SV dự kiến TN	Tỷ lệ
1	Tài chính – Ngân hàng	120	78.95%
2	Quản trị kinh doanh	70	71.43%
3	Kế toán	430	79.63%
4	Kiểm toán	30	81.08%
	Tổng	650	78.60%

2. Thời gian tốt nghiệp trung bình: 4 năm
3. Tỷ lệ thôi học: 5%/Tổng số quy mô đào tạo sinh viên năm học 2018-2019.
4. Tỷ lệ học lại: 10%/Tổng số quy mô đào tạo sinh viên năm học 2018-2019.
5. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau một năm: 95% tổng số sinh viên tốt nghiệp được khảo sát.

III. Kế hoạch giảng dạy các học phần năm học 2018-2019 (có kế hoạch kèm theo)

IV. Triển khai thực hiện

1. Các khoa

- Các Khoa kiểm tra danh mục môn học, số tín chỉ, số tiết giảng dạy lý thuyết, thực hành của môn học trong kế hoạch đào tạo năm học của các khóa, các chuyên ngành.

- Bố trí giảng viên giảng dạy theo kế hoạch cụ thể từng kỳ, đợt học và gửi kế hoạch phân công giảng viên lên lớp về Phòng Quản lý Đào tạo Phòng Quản lý đào tạo.

2. Phòng Quản lý đào tạo

- Gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các khoa, các đơn vị liên quan.

- Ban hành kế hoạch giảng dạy – học tập chi tiết cụ thể cho từng kỳ, từng đợt học cho các khóa, các hệ đào tạo.

- Phổ biến kế hoạch tới sinh viên; theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện theo kế hoạch.

3. Phòng Khảo thí & Quản lý chất lượng: Chuẩn bị tài liệu, phương án đề thi phục vụ thi kết thúc học phần theo kế hoạch cụ thể của từng kỳ, từng đợt học.

4. Phòng Công tác sinh viên: Phổ biến kế hoạch học tập, lịch nghỉ các ngày lễ, Tết, nghỉ hè tới sinh viên.

5. Phòng Tài chính kế toán: Lập kế hoạch và thực hiện thu học phí theo kế hoạch giảng dạy – học tập ban hành.

6. Phòng Quản trị thiết bị: Chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy.

Căn cứ Kế hoạch đào tạo năm học trên, các đơn vị triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong quá trình thực hiện, có gì vướng mắc trao đổi với Phòng Quản lý Đào tạo để thống nhất báo cáo Ban Giám hiệu giải quyết. *ts*

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, QLĐT.



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2018-2019

(Kèm theo Thông báo số 234 /TB-DHTCQTKD ngày 23/5/2018 của Trường ĐH Tài chính - Quản trị kinh doanh)

Học kỳ 1 năm học 2018-2019

L. Khóa 3

- Thời gian học: Từ ngày 20/8/2018 đến ngày 09/12/2018 (16 tuần);
- Thời gian ôn và thi: Từ 10/12/2018 đến 06/01/2019 (4 tuần)

a. Cơ sở 1

1. Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Ghi chú
			LT	TH		
1	Bảo hiểm	3	45		2	
2	Tài chính quốc tế	3	45		2	Dợt 1
3	Quản trị TC Cty ĐQG	3	45		2	Dợt 2
4	Kế toán tài chính 3	3	60		2	
5	Phân tích TCDN	3	45		2	
6	Kiểm toán căn bản	2	30		1	
	Hướng dẫn KK thuế	2	30		1	
	Tổng cộng	17	300	0		

2. Chuyên ngành Ngân hàng

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp
			LT	TH	
1	Bảo hiểm	3	45		1
2	Tài chính quốc tế	3	45		1
3	Nghệp vụ NHTW	3	30		1
4	Hệ thống thông tin NH	2	15	30	1
5	Phân tích TCDN	3	45		1
6	Thuế	3	45		1
	Tổng cộng	17	225	30	

3. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp
			LT	TH	
1	Quản trị sản xuất	3	45		2
2	Kinh tế phát triển	3	45		2
3	Quản trị Logistics KD	3	45		2
4	Quản trị chất lượng	3	45		2
5	Quản trị dự án	3	45		2
6	Thuế	3	45		2
	Tổng cộng	18	270	0	

b. Cơ sở 2

4. Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp
			LT	TH	
1	Thực hành KT TCDN	3		90	9
2	Kế toán máy	3	30	30	9
3	Kế toán quốc tế	2	30		9
4	Phân tích TCDN	3	45		9
5	Kiểm toán tài chính 1	3	45		9
7	Nghiệp vụ NHTM	3	45		5
	Hệ thống TT TCKT	3	45		4
	Tổng cộng	17	195	120	

6. Chuyên ngành Ngành Kiểm toán

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp
			LT	TH	
1	Kiểm toán hoạt động	3	45		1
2	Kiểm soát quản lý	2	30		1
3	Kế toán quốc tế	2	30		1
4	Tổ chức CT kiểm toán	2	30		1
5	Thực hành kiểm toán	3	45		1
6	Phân tích TCDN	3	45		1
	Tổng cộng	15	225	0	

5. Chuyên ngành Kế toán công

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp
			LT	TH	
1	Tài chính doanh nghiệp	3	45		1
2	Kế toán NSNN&NVKB	3	45		1
3	Kế toán NS xã	2	30		1
4	Kế toán máy	2	15	30	1
5	Thực hành KT HCSN	3	45	45	1
6	Phân tích TC HCSN	3	45		1
7	Thuế	3	60		1
	Tổng cộng	19	240	75	

II. Khóa 4

a. K4_Học kỳ 1 năm học 2018-2019

- Thời gian học: Từ ngày 20/8/2018 đến ngày 09/12/2018 (16 tuần);
- Thời gian ôn và thi: Từ ngày 10/12/2018 đến ngày 06/01/2019

Cơ sở 1

1. Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Ghi chú
			LT	TH		
1	Tiếng Anh kinh tế	3	45		2	
2	Thị trường chứng khoán	2	30		2	
3	Thuế	3	45		2	
4	Thâm định GTDN	3	45		2	
5	Tài chính DN 2	3	60		2	
6	Kế toán TCDN 2	3	60		2	
7	Tài chính quốc tế	2	30		2	
	Tổng cộng	19	240	0		

2. Chuyên ngành Ngân hàng

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Ghi chú
			LT	TH		
1	Tiếng Anh kinh tế	3	45		1	
2	Tin dụng KHDN	3	60		1	
3	Kế toán NH TM 1	3	45		1	
4	Marketing căn bản	3	45		1	
5	Thâm định giá BDS	3	45		1	
6	Tài chính quốc tế	2	30		1	
7	Tài chính doanh	3	45		1	
	Tổng cộng	20	240	0		

3. Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
			LT	TH		
1	Tiếng Anh kinh tế	3	45		2	
2	Tài chính doanh nghiệp	3	45		2	
3	Quản trị chiến lược	3	45		2	
4	Quản trị nhân lực	3	45		2	
5	Thống kê kinh tế	2	30		2	
6	Kế toán TCDN	3	60		2	
7	Kinh tế quốc tế	2	30		2	
	Tổng cộng	19	270	0		

Cơ sở 2

4. Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Ghi chú
			LT	TH		
1	Tiếng Anh kinh tế	3	45		8	
2	Thuế	3	45		8	
3	Kiểm toán căn bản	2	30		8	
4	Kế toán TCDN 2	3	60		8	
5	Tài chính HCSN	3	45		8	Đợt 1
6	Kế toán HCSN	3	45		8	Đợt 2
7	Kinh tế quốc tế	2	30		3	
	Hướng dẫn KK thuế	2	15	30	4	
	Thị trường chứng	2	30		1	
	Tổng cộng	19	270	0		

6. Chuyên ngành Ngành Kiểm toán

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Ghi chú
			LT	TH		
1	Tiếng Anh kinh tế	3	45		1	
2	Kiểm soát quan lý	2	30		1	
3	Kế toán TCDN 2	3	60			Ghép với lớp KT DN
4	Kế toán HCSN	3	45		1	
5	Kiểm toán căn bản	2	30		1	Đợt 1
6	Kiểm toán tài chính 1	3	45		1	Đợt 2
7	Chuẩn mực kiểm toán	2	30		1	Đợt 2
8	Kế toán NS xã	2	30			Học ghép với lớp KT công
	Tổng cộng	20	315	0		

5. Chuyên ngành Kế toán công

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Ghi chú
			LT	TH		
1	Tiếng Anh kinh tế	3	45		1	
2	Tài chính doanh	3	45		1	
3	Kế toán NS xã	2	30		1	
4	Kế toán HCSN 1	3	45		1	Đợt 1
5	Kế toán HCSN 2	2	30		1	Đợt 2
6	Kế toán TCDN 2	3	60		1	
7	Nghiệp vụ KBNN	2	30		1	
8	Kinh tế công cộng	2	30		1	
	Tổng cộng	20	150	0		

b. K4_Học kỳ 2 năm học 2018-2019

Thời gian học: Từ ngày 07/01/2019 đến ngày 19/5/2019 (16 tuần); Thời gian ôn và thi: Từ ngày 20/5/2019 đến ngày 14/6/2019

Cơ sở 1

1. Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
			LT	TH		
1	Bảo hiểm	3	45		2	
2	Tài chính DN 3	3	60		2	
3	Kế toán DN TMDVXL	3	45		2	
4	Phân tích TCDN	3	60		2	
5	Hướng dẫn KK thuế	2	15	30	2	
6	Tin dụng khách hàng DN	3	60			
Tổng cộng			17	165	30	

2. Chuyên ngành Ngân hàng

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
			LT	TH		
1	Bảo hiểm	3	45		1	
2	Tin dụng KHCN	2	30		1	
3	Kế toán NHTM 2	3	45		1	
4	Quản trị KDNH	2	30		1	
5	Nghiệp vụ NHTW	3	45		1	
6	Phân tích TCDN	3	60		1	
8	Quản lý tài chính công	2	30		1	
7	Thuế	3	45			
Tổng cộng			21	150	0	

3. Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
			LT	TH		
1	Quản trị marketing	3	45		2	
2	Quản trị sản xuất	3	45		2	
3	Quản trị chất lượng	3	45		2	
4	Quản trị dự án	3	45		2	
5	Quản trị văn phòng	2	30		2	
6	Quản trị Logistics KD	3	45		2	
7	Thuế	3	45		2	
Tổng cộng			20	210	0	

Cơ sở 2

4. Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
			LT	TH		
1	Kế toán quản trị	3	45		8	
2	Kế toán DN TMDVXL	3	45		8	
3	Tổ chức CT KTDN	2	30		8	
4	Kế toán máy trong DN	3	30	30	8	
5	Chuẩn mực kế toán VN	3	45		8	
6	Phân tích TCDN	3	60		8	
7	Kiểm toán tài chính	3	45		4	
	Nghiệp vụ NHTM	3	45		4	
	Tổng cộng	17	255	30		

6. Chuyên ngành Ngành Kiểm toán

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
			LT	TH		
1	Kiểm toán tài chính 2	3	45		1	
2	Kiểm toán hoạt động	3	45		1	
3	Kế toán quản trị	3	45			Ghép với
4	Phân tích TCDN	3	60			
5	Kế toán DN TMDVXL	3	45			Ghép với KTDN
6	Kế toán máy trong DN	3	30	30		
7	Nghiệp vụ NHTM	3	45			
	Tổng cộng	21	240	0		

5. Chuyên ngành Kế toán công

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
			LT	TH		
1	Kiểm toán căn bản	2	30		1	
2	Kế toán quản trị	3	45		1	
3	Kế toán NSNN&NVKB	3	45		1	
4	Tổ chức CTKT HCSN	2	30		1	
5	Fin học UD trong KT	2	15	30	1	
6	Phân tích TC HCSN	2	30		1	
7	Kế toán máy HCSN	2	15	30	1	
8	Thuế	3	45		1	
	Tổng cộng	19	135	30		

III. Khóa 5

a. K5_Học kỳ I năm học 2018-2019

- Thời gian học: Từ ngày 20/08/2018 đến ngày 09/12/2018 (16 tuần);
- Thời gian ôn và thi: Từ 10/12/2018 đến 06/01/2019 (04 tuần)

Cơ sở 1

1. Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	6030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		1	30
2	7050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	45		1	45
3	3221	Kinh tế học vĩ mô	3	45		1	45
4	1330	Tài chính-Tiền tệ 1	3	45		1	45
5	2011	Nguyên lý kế toán	3	45		1	45
6	3251	Nguyên lý thống kê	3	45		1	45
7	3301	Quản trị học	3	45		1	45
8		Giáo dục thể chất 4,5	1	30		1	30
		Tổng cộng	21	330	0		

2. Chuyên ngành Ngân hàng

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	6030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		1	30
2	7050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	45		1	45
3	3221	Kinh tế học vĩ mô	3	45		1	45
4	1330	Tài chính-Tiền tệ 1	3	45		1	45
5	2011	Nguyên lý kế toán	3	45		1	45
6	3251	Nguyên lý thống kê	3	45		1	45
7	3301	Quản trị học	3	45		1	45
8		Giáo dục thể chất 4,5	1	30		1	30
		Tổng cộng	21	255	0		

3. Chuyên ngành Quan trị doanh nghiệp

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	6030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		3	90
2	7050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	45		3	135
3	3221	Kinh tế học vĩ mô	3	45		3	135
4	2011	Nguyên lý kế toán	3	45		3	135
5	3251	Nguyên lý thống kê	3	45		3	135
6	3301	Quản trị học	3	45		3	135
7	1330	Tài chính-Tiền tệ 1	3	45		3	135
8		Giáo dục thể chất 4,5	1	15		3	45
		Tổng cộng	21	315	0		

Cơ sở 2

4. Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	6030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		8	240
2	7050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	45		8	360
3	5030	Soạn thảo văn bản	2	30		8	240
4	3251	Nguyên lý thống kê	3	45		8	360
5	1330	Tài chính-Tiền tệ 1	3	45		8	360
6	3221	Kinh tế học vĩ mô	3	45		8	360
7	2011	Nguyên lý kế toán	3	45		8	360
8		Giáo dục thể chất 4,5	1	30		8	240
		Tổng cộng	20	315	0		

5. Chuyên ngành Ngành Kiểm toán - Kế toán tin

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	6030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		1	30
2	7050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	45		1	45
3	3221	Kinh tế học vĩ mô	3	45		1	45
4	2011	Nguyên lý kế toán	3	45		1	45
5	5022	Lý thuyết XSTK	3	45		1	45
6	3251	Nguyên lý thống kê	3	45		1	45
7	1330	Tài chính-Tiền tệ 1	3	45		1	45
8		Giáo dục thể chất 4,5	1	30		1	30
		Tổng cộng	21	330	0		

b. K5 Học kỳ 2 năm học 2018-2019

- Thời gian học: Từ ngày 07/01/2019 đến ngày 19/05/2019 (16 tuần);
- Thời gian ôn và thi: Từ 20/05/2019 đến 14/06/2019 (04 tuần)

Cơ sở 1

1. Chuyên ngành Tài chính DN

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	6040	Đường lối CM của DCSVN	3	45		1	45
2	4220	Mô hình toán kinh tế	2	30		1	30
3	7070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	45		1	45
4	5022	Pháp luật kinh tế	3	45		1	45
5	1342	Tài chính-Tiền tệ 2	2	30		1	30
6	1092	Tài chính DN 1	3	45		1	45
7	1390	Nghiệp vụ NH1M	3	45		1	45
8	2260	Kế toán tài chính DN 1	3	60		1	60
		Tổng cộng	22	345	0		

2. Chuyên ngành Ngân hàng

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	6040	Đường lối CM của DCSVN	3	45		1	45
2	4220	Mô hình toán kinh tế	2	30		1	30
3	7070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	45		1	45
4	5022	Pháp luật kinh tế	3	45		1	45
5	1342	Tài chính-Tiền tệ 2	2	30		1	30
6	1032	Thị trường chứng khoán	2	30		1	30
7	1390	Nghiệp vụ NH1TM	3	45		1	45
8	2220	Kế toán tài chính DN	3	60		1	60
		Tổng cộng	21	225	0		

3. Chuyên ngành Quản trị DN

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	6040	Đường lối CM của DCSVN	3	45		3	135
2	4220	Mô hình toán kinh tế	2	30		3	90
3	7070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	45		3	135
4	5191	Marketing căn bản	3	45		3	135
5	5022	Pháp luật kinh tế	3	45		3	135
6	3212	Khởi sự kinh doanh	3	45		3	135
7	3040	Nghiệp vụ KIDXNK	2	30		3	90
8	3060	Văn hóa doanh nghiệp	2	30		3	90
		Tổng cộng	21	315	0		

Cơ sở 2

4. Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín	Số tiết LT TH	Số lớp	Tổng số
1	6040	Đường lối CM của ĐCSVN	3	45	8	360
2	4220	Mô hình toán kinh tế	2	30	8	240
3	7070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	45	8	360
4	3301	Quản trị học	3	45	8	360
5	1460	Tài chính HCSN	3	45	8	360
6	1322	Tài chính doanh nghiệp	3	45	8	360
7	2260	Kế toán tài chính DN 1	3	60	8	480
		Tổng cộng	20	315 0		

5. Chuyên ngành Kế toán tin

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín	Số tiết LT TH	Số lớp	Ghi chú
1	6040	Đường lối CM của ĐCSVN	3	45		Ghép cùng KIET
2	4220	Mô hình toán kinh tế	2	30		
3	7070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	45		
4	1322	Tài chính DN	3	45		
5	2260	Kế toán tài chính DN 1	3	60		Ghép cùng KTDN
6	3301	Quản trị học	3	45		
7	4092	Cơ sở lập trình	3	30	30	1
8	4172	Cơ sở dữ liệu 1	3	30	30	1
		Tổng cộng	23	300 30		

5. Chuyên ngành Ngành Kiểm toán

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín	Số tiết LT TH	Số lớp	Tổng số
1	6040	Đường lối CM của ĐCSVN	3	45	1	45
2	4220	Mô hình toán kinh tế	2	30	1	30
3	7070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	45	1	45
4	1322	Tài chính DN	3	45	1	45
5	2260	Kế toán tài chính DN 1	3	60	1	60
6	1350	Thuế	3	45	1	45
7	1460	Tài chính HCSN	3	45	1	45
		Tổng cộng	20	315 0		

IV. Khóa 6

a. K6_Học kỳ 1 năm học 2018-2019

- Thời gian học: Từ ngày 17/09/2018 đến ngày 30/11/2018 (11 tuần)
- Thời gian ôn và thi: Từ ngày 03/12/2017 đến ngày 23/12/2018 (03 tuần)

Cơ sở 1

1. Chuyên ngành Tài chính DN

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	006010	Những NL.CB của CN Mác 1	2	30	0	1	30
2	004301	Toán cao cấp	3	45	0	1	45
3	004040	Tin học đại cương	3	30	30	1	60
4	009200	Pháp luật đại cương	3	45	0	1	45
9	008011	Giáo dục thể chất 1 - DK	1	30	0	1	30
Tổng cộng			11	180			180

2. Chuyên ngành Ngân hàng

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	006010	Những NL.CB của CN Mác 1	2	30	0	1	30
2	004301	Toán cao cấp	3	45	0	1	45
3	004040	Tin học đại cương	3	30	30	1	60
4	009200	Pháp luật đại cương	3	45	0	1	45
	008011	Giáo dục thể chất 1 - DK	1	30	0	1	30
		Tổng cộng	11	150			180

3. Chuyên ngành Quản trị DN

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		số
1	006010	Những NL.CB của CN Mác 1	2	30	0	3	90
2	004301	Toán cao cấp	3	45	0	3	135
3	004040	Tin học đại cương	3	30	30	3	180
4	009200	Pháp luật đại cương	3	45	0	3	135
5	008011	Giáo dục thể chất 1 - DK	1	30	0	3	90
		Tổng cộng	12	180	30		630

4. Chuyên ngành Quản trị Marketing và Quản trị KD&DL

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	006010	Những NL.CB của CN Mác 1	2	30	0	1	30
2	004301	Toán cao cấp	3	45	0	1	45
3	004040	Tin học đại cương	3	30	30	1	60
4	009200	Pháp luật đại cương	3	45	0	1	45
5	008011	Giáo dục thể chất 1 - DK	1	30	0	1	30
		Tổng cộng	12	180	30		210

Cơ sở 2

5. Chuyên ngành Kế toán DN

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	006010	Những NLCB của CN Mác 1	2	30	0	8	240
2	004301	Toán cao cấp	3	45	0	8	360
3	004040	Tin học đại cương	3	30	30	8	480
4	009200	Pháp luật đại cương	3	45	0	8	360
5	008011	Giáo dục thể chất 1 - ĐK	1	30	0	8	240
		Tổng cộng	12	180	30		1680

7. Chuyên ngành Thương mại quốc tế & CN QL Kinh tế - Luật

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	006010	Những NLCB của CN Mác 1	2	30	0	1	30
2	004301	Toán cao cấp	3	45	0	1	45
3	004040	Tin học đại cương	3	30	30	1	60
4	009200	Pháp luật đại cương	3	45	0	1	45
5	008011	Giáo dục thể chất 1 - ĐK	1	30	0	1	30
		Tổng cộng	12	180	30		210

6. Chuyên ngành Ngành Kiểm toán - Kế toán tin

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín	Số tiết		Số lớp	Tổng số
			chỉ	LT	TH		
1	006010	Những NLCB của CN Mác 1	2	30	0	1	30
2	004301	Toán cao cấp	3	45	0	1	45
3	004040	Tin học đại cương	3	30	30	1	60
4	009200	Pháp luật đại cương	3	45	0	1	45
5	008011	Giáo dục thể chất 1 - ĐK	1	30	0	1	30
		Tổng cộng	12	180	30		210

b. K6 Học kỳ 2 năm học 2018-2019

- Thời gian học: Từ ngày 07/01/2019 đến ngày 19/05/2019 (15 tuần học + 01 tuần dự phòng)
- Thời gian ôn và thi: Từ ngày 20/05/2020 đến 14/06/2020 (4 tuần)

Cơ sở 1

1. Chuyên ngành Tài chính DN

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	006020	Những NL.CB của CN Mác 2	3	45	0	1	45
2	004270	Lý thuyết XS&TK toán	3	45	0	1	45
3	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	45	0	1	45
4	006070	Khoa học giao tiếp	2	30	0	1	30
5	009211	Kinh tế học vi mô	3	45	0	1	45
6	009222	Pháp luật kinh tế	3	45	0	1	45
7	004280	Excel căn bản	3	30	30	1	60
8	008015	Giáo dục thể chất 3,4	1	30	0	1	30
Tổng cộng			21	315			345

2. Chuyên ngành Ngân hàng

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	006020	Những NL.CB của CN Mác 2	3	45	0	1	45
2	004270	Lý thuyết XS&TK toán	3	45	0	1	45
3	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	45	0	1	45
4	006070	Khoa học giao tiếp	2	30	0	1	30
5	009211	Kinh tế học vi mô	3	45	0	1	45
6	009222	Pháp luật kinh tế	3	45	0	1	45
7	004280	Excel căn bản	3	30	30	1	60
8	008015	Giáo dục thể chất 3,4	1	30	0	1	30
Tổng cộng			21	315			315

3. Chuyên ngành Quản trị DN

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	006020	Những NL.CB của CN Mác 2	3	45	0	3	135
2	004270	Lý thuyết XS&TK toán	3	45	0	3	135
3	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	45	0	3	135
4	006070	Khoa học giao tiếp	2	30	0	3	90
5	009211	Kinh tế học vi mô	3	45	0	3	135
6	009222	Pháp luật kinh tế	3	45	0	3	135
7	004280	Excel căn bản	3	30	30	3	180
8	008015	Giáo dục thể chất 3,4	1	30	0	3	90
Tổng cộng			21	315	30		1035

4. Chuyên ngành Quản trị Marketing và Quản trị KD&DL

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	006020	Những NL.CB của CN Mác 2	3	45		1	45
2	004270	Lý thuyết XS&TK toán	3	45		1	45
3	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	45		1	45
4	006070	Khoa học giao tiếp	2	30		1	30
5	009211	Kinh tế học vi mô	3	45		1	45
6	009222	Pháp luật kinh tế	3	45		1	45
7	004280	Excel căn bản	3	30	30	1	60
8	008015	Giáo dục thể chất 3,4	1	30	0	1	30
Tổng cộng			21	315	30		345

Cơ sở 2

5. Chuyên ngành Kế toán DN

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	006020	Những NLCB của CN Mác 2	3	45	0	8	360
2	004270	Lý thuyết XS&TK toán	3	45	0	8	360
3	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	45	0	8	360
4	006070	Khoa học giao tiếp	2	30	0	8	240
5	009211	Kinh tế học vi mô	3	45	0	8	360
6	009222	Pháp luật kinh tế	3	45	0	8	360
7	004280	Excel căn bản	3	30	30	8	480
8	008015	Giáo dục thể chất 3,4	1	30	0	8	240
		Tổng cộng	21	315	30		2760

7. Chuyên ngành Thương mại quốc tế - QL Kinh tế - Luật

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	006020	Những NLCB của CN Mác-I	3	45		1	45
2	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	45		1	45
3	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	45		1	45
4	006070	Khoa học giao tiếp	2	30		1	30
5	009211	Kinh tế vi mô	3	45		1	45
6	009222	Pháp luật kinh tế	3	45		1	45
7	004280	Excel căn bản	3	30	30	1	60
8	008015	Giáo dục thể chất 3,4	1	30	0	1	30
		Tổng cộng	21	315	30		345

6. Chuyên ngành Ngành Kiểm toán - Kế toán tin

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Số lớp	Tổng số
				LT	TH		
1	006020	Những NLCB của CN Mác 2	3	45		1	45
2	004270	Lý thuyết XS&TK toán	3	45		1	45
3	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	45		1	45
4	006070	Khoa học giao tiếp	2	30		1	30
5	009211	Kinh tế học vi mô	3	45		1	45
6	009222	Pháp luật kinh tế	3	45		1	45
7	004280	Excel căn bản	3	30	30	1	60
	008015	Giáo dục thể chất 3,4	1	30	0	1	30
		Tổng cộng	20	315	30		315